

MỤC 2. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

Hướng dẫn:

- Đối với dữ liệu hệ thống tự trích xuất, NSD không được phép thay đổi thông tin (những dòng bôi đỏ)

- Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyên gia công nghệ (nếu có) là 100%.

- Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 3 của Bảng trên mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

Diễn số thứ tự theo từng tiêu chuẩn. Điền tiêu chuẩn cụ thể cho từng mục, NSD thêm dòng để nhập tiêu chuẩn cho từng mục.

Diễn thông tin về vị trí nhân sự chủ chốt trong gói thầu làm căn cứ nhà thầu chào thầu.

Diễn thông tin số lượng

Diễn thông tin điểm tối đa.

Diễn thông tin điểm chi tiết. VD: với tiêu chuẩn là: Đã thực hiện và hoàn thành gói thầu tương tự (1) trong 03 năm gần nhất (tính đến thời điểm đóng thầu) thì cột thông tin này NSD điền: Lớn hơn 03 gói thầu (100%) tương đương 10
03 gói thầu (85%) tương đương 8,5
02 gói thầu (70%) tương đương 7,0
01 gói thầu (55%) tương đương 5,5
0 gói thầu (0%) tương đương 0

Quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này.

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)			10.00		.00
1.1	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tư vấn khảo sát, lập BCKTKT/BCNCKT/TKBVTC-DT xây dựng công trình/hoặc khảo sát, lập BCKTKT xây dựng công trình công trình cấp điện ngầm $\geq 15kV$ (trường hợp qui mô công trình có cấp ngầm) hoặc công trình lưới điện trung thế hoặc trạm biến thế hoặc lưới hạ thế hoặc hỗn hợp một số trường hợp trên (trường hợp qui mô công trình không có cấp ngầm) thuộc dự án nhóm C trở lên đã thực hiện với tư cách nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ được thừa nhận bởi chủ đầu tư thông qua hợp đồng, đã được nghiệm thu kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu (Chứng minh bằng hợp đồng và quyết định phê duyệt và biên bản nghiệm thu hoàn thành đính kèm).			10.00	- \geq 04 hợp đồng đáp ứng yêu cầu: Tương đương 10. - Có 03 hợp đồng đáp ứng yêu cầu: Tương đương 8,5. - Có 02 hợp đồng đáp ứng yêu cầu: Tương đương 7. - Có 01 hợp đồng đáp ứng yêu cầu: Tương đương 5,5. - Không có hợp đồng: Tương đương 0.	.00
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (5% tổng số điểm)			5.00		.00
2.1	- Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó (trong thời gian có kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu được phê duyệt gần nhất của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) được cập nhật trên chương trình quản lý đầu tư xây dựng của EVN và văn bản thông báo kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu của Tổng công ty Điện lực TP.HCM (EVNHCMC)). - Kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu được công bố trên trang web https://muasamcong.mpi.gov.vn ; trang trên Thông tin đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại địa chỉ: https://dauthau.evn.com.vn ; và theo các hướng dẫn của Thông tư, Nghị định, Quy định hiện hành).			3.00	- Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) được chấm điểm tối đa nếu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và không có hợp đồng tương tự nào trước đó bị đánh giá là “Không đạt” hoặc “Cảnh cáo”. Tương đương 3,0 - Mỗi một (01) hợp đồng tương tự mà nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) bị đánh giá là không đạt thì mục này nhà thầu sẽ bị trừ 1,5 điểm. - Mỗi một (01) hợp đồng tương tự mà nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) bị đánh giá là cảnh báo thì nhà thầu sẽ bị trừ 0,75 điểm.	.00
2.2	Các yếu tố khác: - Nhà thầu không có tên trong danh sách bị cấm tham gia đấu thầu do EVN hoặc Công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc Công ty con của Công ty TNHH MTV cấp II ban hành sẽ bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với tất cả các gói thầu do EVN và Công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ và Công ty con của Công ty TNHH MTV cấp II làm chủ đầu tư” được đăng tải trên trang thông tin đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại địa chỉ: https://dauthau.evn.com.vn - Nhà thầu không vi phạm tại Điều 20, Điều 22 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 được đăng tải trên mạng đấu thầu quốc gia web https://muasamcong.mpi.gov.vn .			2.00	- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá (đạt 100% số điểm), Tương đương 2,0/. - Không đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá. Tương đương 0.	.00
3	Giải pháp và phương pháp luận (Từ 30 đến 40% tổng số điểm)			35.00		23.50
3.1	Hiểu rõ mục đích gói thầu			5.00		2.80
3.1.1	Am hiểu về phạm vi, quy mô, đặc điểm của dự án: đề xuất kỹ thuật có nêu các nội dung phù hợp với quy mô, đặc điểm dự án, có mô tả vị trí tuyển.			2.00	- Có nêu đầy đủ, phù hợp, chi tiết, đạt yêu cầu (đạt 100% số điểm).Tương đương 2,0. - Có nêu nhưng còn thiếu sót. Số điểm được chấm tùy thuộc vào mức độ đầy đủ và phù hợp của từng nội dung. Tương đương 1,4. - Không nêu hoặc có nêu nhưng không phù hợp, không đáp ứng. Tương đương 0.	1.40

3.1.2	Hiểu rõ về mục đích và nhiệm vụ của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu: đề xuất kỹ thuật có nêu các nội dung phù hợp với mục đích và nhiệm vụ của gói thầu.			2.00	- Có nêu đầy đủ, phù hợp, chi tiết, đạt yêu cầu (đạt 100% số điểm). Tương đương 2,0. - Có nêu nhưng còn thiếu sót. Số điểm được chấm tùy thuộc vào mức độ đầy đủ và phù hợp của từng nội dung (Mục đích, nhiệm vụ của gói thầu). Tương đương 1,4. - Không nêu hoặc có nêu nhưng không phù hợp, không đáp ứng. Tương đương 0.	1.40
3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận			7.00		5.20
3.2.1	Đề xuất kỹ thuật bao gồm tất cả các hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic, đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án.			3.00	- Có nêu đầy đủ, phù hợp, đạt yêu cầu (đạt 100% số điểm). Tương đương 3,0. - Có nêu nhưng còn thiếu sót. Số điểm được chấm tùy thuộc vào mức độ đầy đủ và phù hợp của nội dung đề xuất. Tương đương 2,4. - Không nêu hoặc có nêu nhưng không phù hợp, không đáp ứng. Tương đương 0.	2.40
3.2.2	Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ			2.00	- Có nêu đầy đủ, phù hợp, đạt yêu cầu (đạt 100% số điểm). Tương đương 2,0. - Có nêu cơ bản phù hợp, nhưng còn thiếu sót. Số điểm được chấm tùy thuộc vào mức độ đầy đủ và phù hợp của nội dung đề xuất. Tương đương 1,4 - Nếu không phù hợp. Tương đương 0.	1.40
3.2.3	Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào để thực hiện tốt được công việc (đặc biệt là các công tác phối hợp và thoả thuận với các cơ quan, đơn vị liên quan).			2.00	- Có nêu đầy đủ, phù hợp, đạt yêu cầu (đạt 100% số điểm). Tương đương 2,0. - Có nêu nhưng còn thiếu sót. Số điểm được chấm tùy thuộc vào mức độ đầy đủ và phù hợp của nội dung đề xuất. Tương đương 1,4. - Không nêu hoặc nêu không phù hợp. Tương đương 0,7.	1.40
3.3	Sáng kiến cải tiến			1.00		.60
3.3.1	Sáng kiến cải tiến			1.00	- Có đề xuất sáng kiến cải tiến trong công tác Tư vấn khảo sát, lập BCKTKT công trình (đạt 100% số điểm). Tương đương 1,0. - Có đề xuất sáng kiến cải tiến nhưng chưa cụ thể. Tương đương 0,6. - Không có đề xuất sáng kiến cải tiến, không đáp ứng. Tương đương 0.	.60
3.4	Giải pháp, cách trình bày đề xuất			11.00		8.30
3.4.1	Đề xuất kỹ thuật có nêu tóm tắt nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, giải pháp triển khai thực hiện khảo sát (Nêu rõ giải pháp khảo sát, dò tìm, cập nhật công trình ngầm, hệ thống hào kỹ thuật (nếu có); thu thập, phân tích số liệu phục vụ xác định vị trí tuyến, vị trí trồng trụ, vị trí lắp thiết bị, lập báo cáo kết quả khảo sát,...); Đề xuất kỹ thuật có nêu giải pháp hợp lý về giám sát, kiểm tra, kiểm soát các công tác thi công hợp đầu, hợp nối cáp ngầm thuộc phạm vi dự án (nếu có); kiểm soát chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn, PCCN và vệ sinh môi trường phù hợp và tuân thủ quy định.			3.00	- Có nêu đầy đủ, phù hợp (đạt 100% số điểm). Tương đương 3,0. - Có nêu nhưng còn thiếu sót. Số điểm được chấm tùy thuộc vào mức độ đầy đủ và phù hợp của từng nội dung. Tương đương 2,4. - Không trình bày hoặc trình bày không phù hợp, Tương đương 0.	2.40
3.4.2	Đề cương chi tiết lập BCNCKT, TKBVTC-TDT hoặc BCKTKT với thành phần, biên chế, trình tự đầy đủ và phù hợp theo quy định (Theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021, 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024, Luật xây dựng và Điều khoản tham chiếu của HSMT này. Lưu ý, phải đầy đủ thành phần BCNCKT, TKBVTC-TDT, thuyết minh, chỉ dẫn kỹ thuật, các bảng biểu, các phụ lục tính toán,...); Đề xuất kỹ thuật có nêu đề cương giám sát thi công xây dựng với nội dung, trình tự đầy đủ và phù hợp theo quy định (Theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021, 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024, Luật xây dựng và Điều khoản tham chiếu của HSMT này).			2.00	- Có nêu đầy đủ, phù hợp (đạt 100% số điểm). Tương đương 2,0. - Có nêu nhưng còn thiếu sót. Số điểm được chấm tùy thuộc vào mức độ đầy đủ và phù hợp của nội dung đề cương. Tương đương 1,4. - Không nêu hoặc nêu không phù hợp. Tương đương 0.	1.40
3.4.3	Giải pháp tính toán, chọn lựa phương án thiết kế, xác định, thoả thuận (bao gồm tham vấn cộng đồng) phương án tuyến, bố trí vị trí trồng trụ, vị trí lắp thiết bị hợp lý, khả thi, đảm bảo mỹ quan, an toàn, PCCN, bảo vệ môi trường, giảm thiểu cắt điện thi công; lập tổng dự toán, tính toán hiệu quả đầu tư,...; Có giải pháp theo dõi, báo cáo tiến độ, kiểm soát công tác lập hồ sơ thi công, hồ sơ hoàn công, nghiệm thu của nhà thầu xây lắp; giải pháp xử lý phát sinh, kiểm tra, nghiệm thu VTTB, nghiệm thu công việc/hạng mục công trình/công trình hoàn thành, xác nhận khối lượng hoàn thành.			3.00	- Có nêu đầy đủ, phù hợp (đạt 100% số điểm). Tương đương 3,0. - Có nêu nhưng còn thiếu sót, nếu căn cứ không còn hiệu lực. Số điểm được chấm tùy thuộc vào mức độ đầy đủ và phù hợp của nội dung đề xuất. Tương đương 2,4. - Không nêu hoặc nêu không phù hợp. Tương đương 0.	2.40

3.4.4	Giải pháp đề xuất, tính toán lựa chọn vật tư thiết bị chính cho dự án và nêu rõ các cơ sở (Quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy cách, quy định,...) vận dụng, áp dụng.			2.00	- Có nêu đầy đủ, phù hợp (đạt 100% số điểm). Tương đương 2,0. - Có nêu nhưng còn thiếu sót, nêu căn cứ không còn hiệu lực. Số điểm được chấm tùy thuộc vào mức độ đầy đủ và phù hợp của nội dung đề xuất. Tương đương 1,4. - Không nêu hoặc nêu không phù hợp. Tương đương 0.	1.40
3.4.5	Trình bày giải pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm (Có thể hiện bằng mạch chu lưu kiểm tra chất lượng, các biện pháp kiểm tra chất lượng và tiến độ, nhân sự kiểm tra-giám sát chất lượng).			1.00	- Có trình bày đáp ứng yêu cầu (đạt 100% số điểm). Tương đương 1,0. - Có nêu nhưng còn thiếu sót. Số điểm được chấm tùy thuộc vào mức độ đầy đủ và phù hợp của nội dung đề cương. Tương đương 0,7. - Không trình bày hoặc trình bày sơ sài, không hợp lý: Tương đương 0.	.70
3.5	Kế hoạch triển khai			5.00		3.80
3.5.1	Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện dự án (Khảo sát, dò tìm công trình ngầm (nếu có), xác định và thực hiện tham vấn cộng đồng, thỏa thuận tuyển vị trí trồng trụ, vị trí lắp đặt thiết bị, lập báo cáo kết quả khảo sát, lập BCNCKT, TKBVTC-TDT hoặc khảo sát, lập BCKTKT,...). Mỗi một nhiệm vụ cụ thể được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng; Có xây dựng kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện giám sát (Tiếp nhận hồ sơ thiết kế, kiểm tra xác định phạm vi, vị trí thi công và bàn giao mặt bằng, kiểm tra nhân lực, máy móc nhà thầu, kiểm tra công tác chuẩn bị thi công, VTTB, giám sát thi công từng công việc, giai đoạn, nghiệm thu, hoàn tất hồ sơ chuẩn bị thi công, hồ sơ thi công, hồ sơ hoàn công, hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng, báo cáo tiến độ,...). Mỗi một nhiệm vụ cụ thể được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng.			3.00	- Có nêu đầy đủ, phù hợp (đạt 100% số điểm). Tương đương 3,0. - Có nêu nhưng còn thiếu sót. Số điểm được chấm tùy thuộc vào mức độ đầy đủ và phù hợp của nội dung đề xuất. Tương đương 2,4. - Không nêu hoặc nêu không phù hợp. Tương đương 0.	2.40
3.5.2	Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với giải pháp, phương pháp luận và đề xuất tổng thời gian thực hiện các nhiệm vụ (thời gian thực hiện hợp đồng) phù hợp, không vượt tiến độ quy định trong HSMT.			2.00	- Đề xuất thời gian thực hiện hợp đồng (công tác khảo sát, thiết kế) rút ngắn so với thời gian yêu cầu trong HSMT (đạt 100% số điểm). Tương đương 2,0. - Đề xuất thời gian thực hiện hợp đồng (công tác khảo sát, thiết kế) bằng thời gian so với thời gian yêu cầu trong HSMT. Tương đương 1,4. - Không đáp ứng yêu cầu. Tương đương 0.	1.40
3.6	Bố trí nhân sự thực hiện gói thầu			4.00		2.80
3.6.1	Có bảng phân công nhân sự thực hiện các nhiệm vụ của gói thầu. (Bảng phân công nguồn được lập chi tiết, đầy đủ cho tất cả các nhiệm vụ nêu trong điều khoản tham chiếu).			2.00	- Có bảng phân công đáp ứng yêu cầu (đạt 100% số điểm). Tương đương 2,0. - Có bảng phân công nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ nhưng không đầy đủ. Tương đương 1,4. - Không bảng phân công hoặc nêu không phù hợp. Tương đương 0.	1.40
3.6.2	Thời điểm và thời gian huy động nhân sự phù hợp với kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ của gói thầu.			2.00	- Đề xuất đầy đủ, phù hợp (đạt 100% số điểm). Tương đương 2,0. - Đề xuất còn thiếu sót. Số điểm được chấm tùy thuộc vào mức độ đầy đủ và phù hợp của nội dung đề xuất. Tương đương 1,4. - Không đáp ứng yêu cầu. Tương đương 0.	1.40
3.7	Các yếu tố khác			3.00		3.00
3.7.1	- Nhà thầu cung cấp giấy cam kết (khi dự thầu). - Có bảng liệt kê các trang thiết bị, phần mềm phục vụ thực hiện công tác: - Cử nhân viên túc trực làm việc với bên mời thầu khi có yêu cầu của bên mời thầu trong trường hợp được chọn trúng thầu.B37			1.00	- Đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá (đạt 100% số điểm). Tương đương 1,0. - Không cung cấp bản cam kết, không đáp ứng. Tương đương 0.	1.00
3.7.2	Các biện pháp giải quyết trở ngại trong quá trình thực hiện theo kinh nghiệm Nhà thầu.			1.00	- Có trình bày rõ ràng, đáp ứng yêu cầu (đạt 100% số điểm). Tương đương 1,0. - Không trình bày, không đáp ứng. Tương đương 0.	1.00
3.7.3	Địa chỉ trụ sở/văn phòng điều hành của nhà thầu (kèm số điện thoại liên lạc). Có thuyết minh nêu rõ địa chỉ trụ sở/văn phòng điều hành của nhà thầu (kèm số điện thoại liên lạc). Đối với các nhà thầu có trụ sở Công ty đóng bên ngoài địa bàn TP.HCM, yêu cầu nhà thầu xác định rõ địa chỉ văn phòng đại diện/Chi nhánh/Văn phòng làm việc của nhà thầu tại TP.HCM hoặc có cam kết thuê/mở văn phòng làm việc tại TP.HCM trong trường hợp được chọn trúng thầu.			1.00	- Đáp ứng yêu cầu (đạt 100% số điểm). Tương đương 1,0. - Không đáp ứng. Tương đương 0.	1.00
4	Nhân sự chủ chốt (Từ 50 đến 60% tổng số điểm)			50.00		43.50

4.1	<p>Chủ nhiệm hoặc chủ trì khảo sát xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng III trở lên phù hợp, hợp đồng lao động với nhà thầu (nếu nhân sự thuộc quản lý của nhà thầu). - Đã làm chủ nhiệm khảo sát hoặc tham gia khảo sát xây dựng công trình công trình đường dây và trạm biến áp hoặc công trình lưới điện >15kV (trường hợp qui mô công trình tương tự với gói thầu thực hiện), kết quả khảo sát đã được nghiệm thu kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu (Chứng minh bằng quyết định phân công hoặc hợp đồng, biên bản nghiệm thu đính kèm), với số lượng như sau: <p>+ < 02 công trình: Không đáp ứng + 02 ÷ 03 công trình: Đáp ứng. + > 03 công trình: Đạt 100% số điểm.</p>	<p>Chủ nhiệm hoặc chủ trì khảo sát xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng III trở lên phù hợp, hợp đồng lao động với nhà thầu (nếu nhân sự thuộc quản lý của nhà thầu). - Đã làm chủ nhiệm khảo sát hoặc tham gia khảo sát xây dựng công trình công trình đường dây và trạm biến áp hoặc công trình lưới điện >15kV (trường hợp qui mô công trình tương tự với gói thầu thực hiện), kết quả khảo sát đã được nghiệm thu kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu (Chứng minh bằng quyết định phân công hoặc hợp đồng, biên bản nghiệm thu đính kèm), với số lượng như sau: <p>+ < 02 công trình: Không đáp ứng + 02 ÷ 03 công trình: Đáp ứng. + > 03 công trình: Đạt 100% số điểm.</p>	1	17.00	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn đánh giá, có > 03 công trình tương tự đã thực hiện (đạt 100% số điểm). Tương đương 17,0. - Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn đánh giá, có từ 02 ÷ 03 công trình tương tự đã thực hiện. Tương đương 15,0. - Không đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có < 02 công trình tương tự đã thực hiện. Tương đương 0. 	15.00
4.2	<p>Chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế xây dựng công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hạng III trở lên phù hợp, hợp đồng lao động với nhà thầu (nếu nhân sự thuộc quản lý của nhà thầu). - Đã tham gia thiết kế xây dựng công trình công trình đường dây và trạm biến áp hoặc công trình lưới điện >15kV (trường hợp qui mô công trình tương tự với gói thầu thực hiện), kết quả đã được nghiệm thu kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu (Chứng minh bằng quyết định phân công hoặc hợp đồng, biên bản nghiệm thu đính kèm), với số lượng như sau: <p>+ < 02 công trình: Không đáp ứng + 02 ÷ 03 công trình: Đáp ứng. + > 03 công trình: Đạt 100% số điểm.</p>	<p>Chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế xây dựng công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng hạng III trở lên phù hợp, hợp đồng lao động với nhà thầu (nếu nhân sự thuộc quản lý của nhà thầu). - Đã tham gia thiết kế xây dựng công trình công trình đường dây và trạm biến áp hoặc công trình lưới điện >15kV (trường hợp qui mô công trình tương tự với gói thầu thực hiện), kết quả đã được nghiệm thu kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu (Chứng minh bằng quyết định phân công hoặc hợp đồng, biên bản nghiệm thu đính kèm), với số lượng như sau: <p>+ < 02 công trình: Không đáp ứng + 02 ÷ 03 công trình: Đáp ứng. + > 03 công trình: Đạt 100% số điểm.</p>	1	17.00	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn đánh giá, có > 03 công trình tương tự đã thực hiện (đạt 100% số điểm). Tương đương 17,0. - Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn đánh giá, có từ 02 ÷ 03 công trình tương tự đã thực hiện. Tương đương 15,0. - Không đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có < 02 công trình tương tự đã thực hiện. Tương đương 0. 	15.00
4.3	<p>Chủ trì dự toán hoặc người lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ chứng chỉ kỹ sư định giá hạng xây dựng hạng III trở lên phù hợp, có hợp đồng lao động với nhà thầu (nếu nhân sự thuộc quản lý của nhà thầu). - Đã tham gia lập dự toán, tổng mức đầu tư của công trình đường dây và trạm biến áp hoặc công trình lưới điện >15kV (trường hợp qui mô công trình tương tự với gói thầu thực hiện), kết quả đã được nghiệm thu kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu (Chứng minh bằng quyết định phân công hoặc hợp đồng, biên bản nghiệm thu đính kèm), với số lượng như sau: <p>+ < 02 công trình: Không đáp ứng + 02 ÷ 03 công trình: Đáp ứng. + > 03 công trình: Đạt 100% số điểm.</p>	<p>Chủ trì dự toán hoặc người lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ chứng chỉ kỹ sư định giá hạng xây dựng hạng III trở lên phù hợp, có hợp đồng lao động với nhà thầu (nếu nhân sự thuộc quản lý của nhà thầu). - Đã tham gia lập dự toán, tổng mức đầu tư của công trình đường dây và trạm biến áp hoặc công trình lưới điện >15kV (trường hợp qui mô công trình tương tự với gói thầu thực hiện), kết quả đã được nghiệm thu kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu (Chứng minh bằng quyết định phân công hoặc hợp đồng, biên bản nghiệm thu đính kèm), với số lượng như sau: <p>+ < 02 công trình: Không đáp ứng + 02 ÷ 03 công trình: Đáp ứng. + > 03 công trình: Đạt 100% số điểm.</p>	1	14.00	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn đánh giá, có > 03 công trình tương tự đã thực hiện (đạt 100% số điểm). Tương đương 14,0. - Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn đánh giá, có từ 02 ÷ 03 công trình tương tự đã thực hiện. Tương đương 12,0. - Không đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá, có < 02 công trình tương tự đã thực hiện. Tương đương 0. 	12.00
4.4	<p>Các thành viên khác tham gia thực hiện gói thầu:</p> <p>Có phân công thành viên tham gia thực hiện các công tác như khảo sát, thiết kế, lập BCKTKT, tham vấn cộng đồng (nếu có). Các thành viên có trình độ từ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp.</p>	<p>Các thành viên khác tham gia thực hiện gói thầu:</p> <p>Có phân công thành viên tham gia thực hiện các công tác như khảo sát, thiết kế, lập BCKTKT, tham vấn cộng đồng (nếu có). Các thành viên có trình độ từ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp.</p>	3	2.00	<ul style="list-style-type: none"> - Có phân công > 03 thành viên tham gia và có > 03 thành viên có kinh nghiệm tham gia công việc tương tự > 03 năm. Tương đương 2,0. - Có phân công 03 thành viên tham gia. Tương đương 1,5. - Không đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá. Tương đương 0. 	1.50
5	Yêu cầu về chuyên giao công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)					
5.1	Không yêu cầu về chuyên giao công nghệ					